

Số: 70/2019/QĐST-DS

Kế Sách, ngày 22 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự lý số 101/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số X, ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1972.

Bà Nguyễn Thị Bạch N1, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Số Y, ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Tô Thị Q, sinh năm 1932.

HKTT: Số Z, ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Trần Văn N2, sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1950.

Bà Trần Thị T3, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Trần Thị G, sinh năm 1971.

Bà Trần Thị N4.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn N2, bà Trần Thị T3, bà Trần Thị H, bà Trần Thị G, bà Trần Thị N4 là bà Trần Thị H, sinh năm 1953, địa chỉ: Số K, ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Trần Văn T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số Y, ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số X1, ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Nguyễn Thị Bạch T1, sinh năm 1972.

Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1975.

Ông Nguyễn Hoàng N3, sinh năm 1977.

Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1979.

Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bạch T1, ông Nguyễn Chí T2, ông Nguyễn Hoàng N3, ông Nguyễn Minh D, ông Nguyễn Minh P là bà Trần Thị H, sinh năm 1953, địa chỉ: Số X, ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự trong vụ án thông nhất: Công nhận thửa đất số 241, tờ bản đồ số 45, mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị H theo Tờ sang bán đất ruộng lập ngày 10/4/2011 giữa bà Trần Thị H và ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Bạch N1. Diện tích đất theo đo đạc thực tế tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/7/2019 là 6.687,9m² thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 45, mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 147479 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch N1 ngày 30/10/2015). Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất bà Đặng Thị Ngọc T5 và ông Trần Văn N2, số đo 77,80m (trong đó, số đo giáp đất ông N2 là 15,20m; số đo giáp đất bà T5 là 8,66m + 2,66m + 1,88 m + 1,66m + 4,86m + 2,92m + 13,26m + 26,70m).

+ Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Đ, số đo 57,90m;

+ Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T6, số đo 97,53m (trong đó, số đo giáp đất bà L là 35,86m, số đo giáp đất ông T6 là 61,67m).

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn S, số đo 113,90m (gồm 47,47m + 34,12m + 32,31m).

(Có sơ đồ kèm theo).

Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, bà Trần Thị H đồng ý nộp là 75.000 đồng và đồng ý nộp thay cho vợ chồng ông Trần văn N và bà Nguyễn Thị Bạch N1 là 75.000 đồng. Bà H được miễn nộp phần tiền án phí của bà là 75.000 đồng do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Phần tiền án phí bà nộp thay cho vợ chồng ông N, bà N1 thì bà H vẫn phải chịu là 75.000 đồng.

Chi phí thẩm định và định giá tài sản là 9.050.000 đồng, bà Trần Thị H đồng ý nộp là 9.050.000 đồng và đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Linh Đa